

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9010 /KH-UBND

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH
Nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)
tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025

Căn cứ kết quả triển khai bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh Khánh Hòa năm 2023; xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 1261/SKHChN-QLChN ngày 05/7/2024, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch Nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025 (gọi tắt là Bộ chỉ số PII tỉnh Khánh Hòa), như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2023 của Chính phủ - Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01/2023 trực tuyến với địa phương;
- Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024;
- Quyết định số 2073/QĐ-BKHChN ngày 24/10/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phân công nhiệm vụ xây dựng bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương;
- Công văn số 1038/BKHChN-ĐP ngày 28/3/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc bố trí kinh phí triển khai Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) cấp địa phương hằng năm;
- Căn cứ Công văn số 3258-CV/TU ngày 06/6/2024 của Tỉnh ủy về giao nhiệm vụ trọng tâm năm 2024;
- Căn cứ Công bố kết quả Bộ chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 12/3/2024.

II. CẤU TRÚC, Ý NGHĨA BỘ CHỈ SỐ PII

1. Cấu trúc của Bộ chỉ số PII

Bộ chỉ số PII gồm có 52 chỉ số, chia làm 07 trụ cột (theo nguyên lý của bộ chỉ số GII), gồm:

- 05 trụ cột đầu vào phản ánh những yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST), bao gồm: (1)Thế chế, (2)Vốn con người và Nghiên cứu và phát

triển, (3) Cơ sở hạ tầng, (4) Trình độ phát triển của thị trường và (5) Trình độ phát triển của doanh nghiệp.

- 02 trụ cột đầu ra phản ánh kết quả tác động của KH, CN & ĐMST vào phát triển KT-XH, bao gồm: (6) Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ, (7) Tác động.

Nguồn dữ liệu để xây dựng bộ chỉ số PII được thu thập dựa trên số liệu từ các báo cáo thống kê, báo cáo quản lý chính thức của các cơ quan trung ương và địa phương; số liệu từ các bộ chỉ số khác (bộ chỉ số Cải cách hành chính, bộ chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, bộ chỉ số Chuyển đổi số, bộ chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh).

Cơ cấu nguồn dữ liệu như sau:

- Từ các báo cáo, số liệu thống kê của các cơ quan, tổ chức ở trung ương: 38.5% (20 chỉ số).

- Từ các bộ chỉ số khác: 21% (11 chỉ số).

- Từ dữ liệu quản lý nhà nước của Bộ KH & CN: 15.5% (8 chỉ số).

- Từ số liệu do tỉnh Khánh Hòa cung cấp: 25% (13 chỉ số).

2. Ý nghĩa của Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)

Bộ chỉ số PII có ý nghĩa đối với địa phương như sau:

- Cung cấp các căn cứ về điểm mạnh, điểm yếu, các yếu tố tiềm năng và điều kiện cần thiết để thúc đẩy phát triển KT-XH dựa trên KH, CN & ĐMST của tỉnh Khánh Hòa;

- Làm cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng và thực thi hiệu quả các chính sách thúc đẩy, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động KH, CN & ĐMST ở Khánh Hòa;

- Thúc đẩy thực hiện các sáng kiến phát triển KT-XH ở Khánh Hòa dựa trên KH, CN & ĐMST, tận dụng các thế mạnh và vượt qua các thách thức;

- Cung cấp công cụ và kỹ thuật cho phép đánh giá, so sánh năng lực, kết quả hoạt động KH, CN & ĐMST giữa các tỉnh, thành cũng như chất lượng điều hành, quản lý nhà nước về KH, CN & ĐMST của Khánh Hòa;

- Góp phần nâng cao năng lực và kết quả hoạt động KH, CN & ĐMST quốc gia; đặc biệt là góp phần thực hiện và theo dõi, đánh giá việc thực hiện Chiến lược KH, CN & ĐMST đến năm 2030, Chiến lược phát triển KT-XH đến năm 2030, Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 và các mục tiêu phát triển bền vững...

Bên cạnh đó, bộ chỉ số còn có ý nghĩa đối với:

- Nhà đầu tư, kết quả đánh giá bộ chỉ số PII của tỉnh Khánh Hòa sẽ là thông tin tham khảo hữu ích về môi trường đầu tư địa phương cho nhà đầu tư, doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư phù hợp;

- Khu vực nghiên cứu, bộ chỉ số PII cung cấp cơ sở dữ liệu toàn diện với hệ thống các chỉ tiêu đánh giá, có thể so sánh được qua thời gian và thúc đẩy các nghiên cứu khác;

- Cộng đồng các tổ chức quốc tế và nhà tài trợ để xem xét, cân nhắc các tài trợ và hoạt động có liên quan đối với tỉnh Khánh Hòa.

3. ĐIỂM SỐ PII NĂM 2023 TỈNH KHÁNH HÒA

Ngày 12/3/2024, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2023 và bảng xếp hạng đổi mới sáng tạo của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; với điểm số tổng cộng đạt 36,78 điểm (điểm đầu vào đạt 40,21 điểm và đầu ra đạt 33,35 điểm) tỉnh Khánh Hòa xếp thứ hạng 31/63 tỉnh, thành phố.

III. MỤC ĐÍCH, MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cải thiện, nâng cao chỉ số PII trong các năm 2024, 2025 và những năm tiếp theo của tỉnh Khánh Hòa. Triển khai một cách đồng bộ, thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm đề ra các giải pháp sử dụng bộ chỉ số để xây dựng các chính sách thúc đẩy phát triển KT-XH ở địa phương dựa trên KH,CN&ĐMST.

- Tăng cường nhận thức và nâng cao trách nhiệm của cấp, các ngành, địa phương về Chỉ số PII, về phát triển KH,CN&ĐMST; đồng thời triển khai nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp thiết thực hiệu quả nhằm cải thiện, nâng cao các chỉ số thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý.

2. Mục tiêu chung

- Thông qua các nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch nâng cao chỉ số PII sẽ góp phần nâng cao nhận thức, vai trò của KH,CN&ĐMST trong thúc đẩy phát triển KT-XH của tỉnh Khánh Hòa.

- Xây dựng kế hoạch tổng thể nhằm gia tăng sự đóng góp của KH,CN&ĐMST vào sự phát triển KT-XH hiệu quả thông qua quá trình thực thi các giải pháp nâng cao chỉ số PII của tỉnh Khánh Hòa.

- Ban hành quy chế phối hợp để vận hành hiệu quả quá trình theo dõi, kiểm soát và thực thi kế hoạch nói trên.

- Theo dõi, phân tích chỉ số PII của tỉnh Khánh Hòa, so sánh với các địa phương có điều kiện tương tự.

- Đánh giá các nguyên nhân dẫn đến chỉ số PII của tỉnh chưa đạt cao như kỳ vọng, cần tập trung vào những nguyên nhân chủ quan.

- Đánh giá tiềm năng đổi mới để nâng cao chỉ số PII của tỉnh Khánh Hòa thông qua kế hoạch nâng cao các chỉ số thành phần. Ban hành bảng kế hoạch chi tiết để các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

- Phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong quá trình thu thập và cung cấp dữ liệu đối với các chỉ số do địa phương cung cấp (theo hướng dẫn của Bộ KH&CN) cũng như phối hợp trong quá trình triển khai các nhiệm vụ nhằm nâng cao các chỉ số thành phần này.

3. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2025, cải thiện, nâng cao điểm số tất cả các trụ cột, phân đầu Chỉ số PII nằm trong nhóm 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đứng đầu cả nước (phần đầu xếp hạng 20/63 tỉnh, thành phố).

4. Yêu cầu

- Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và địa phương phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chung của tỉnh về cải thiện nâng cao bộ chỉ số PII.

- Các sở, ngành, đơn vị và địa phương được phân công nhiệm vụ tại kế hoạch cải thiện và nâng cao bộ chỉ số PII tỉnh Khánh Hòa chủ động xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết để nâng cao điểm số, thứ bậc đối với các chỉ số thành phần được phân công; phải nỗ lực đúng mức để hoàn thành nhiệm vụ, đạt kết quả và chỉ tiêu đề ra, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ chung.

- Kết quả đạt được trong việc triển khai kế hoạch gắn với kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ hàng năm của người đứng đầu.

- Triển khai nhiệm vụ nhằm nâng cao nhận thức của công chức, viên chức, người làm công tác quản lý và cộng đồng doanh nghiệp về chỉ số PII; về sự tương quan giữa chỉ số PII với vai trò của KH,CN&ĐMST đóng góp vào tăng trưởng, phát triển KT-XH của tỉnh Khánh Hòa.

- Các giải pháp nâng cao chỉ số PII của các sở, ngành, đơn vị liên quan phải gắn kết cụ thể với từng chỉ số PII và đề ra các mục tiêu nâng cao chỉ số cho từng năm; đồng thời, các giải pháp bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chung của tỉnh về triển khai bộ chỉ số PII của tỉnh Khánh Hòa.

- Về nhiệm vụ cung cấp dữ liệu: Các sở ban, ngành, đơn vị, địa phương và các đơn vị liên quan căn cứ theo chức năng nhiệm vụ được giao thực hiện rà soát, tổng hợp dữ liệu và các tài liệu minh chứng theo hướng dẫn, gửi về Sở KH&CN trước ngày 10 tháng 7 hằng năm để Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp gửi Bộ Khoa học và Công nghệ nhập liệu vào hệ thống tính toán chỉ số PII hằng năm.

- Kết quả công bố về bộ chỉ số PII tỉnh Khánh Hòa phải được đánh giá, phân tích các điểm mạnh, điểm yếu hàng năm theo chu kỳ công bố và đưa ra được các giải pháp để cải thiện liên tục các chỉ số PII theo thời gian.

IV. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ CẢI THIỆN CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

1. Trụ cột 1: Thể chế

1.1. Thực trạng:

- Trụ cột Thể chế đạt 46.54 điểm, xếp hạng thứ 38/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đứng thứ 5/14 trong các địa phương Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung.

- Một số chỉ số thành phần PII năm 2023 tỉnh Khánh Hòa được đánh giá yếu, cụ thể như sau:

+ Chỉ số 1.1.1. Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản thúc đẩy phát triển và ứng dụng KH, CN & ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của địa phương được đánh giá yếu so với cả nước (xếp hạng thứ 60/63).

+ Chỉ số 1.2.2. Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương đứng thứ 40/63 (được lấy từ nguồn dữ liệu PCI 2022). Theo báo cáo PCI 2023, chỉ số Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương xếp hạng thứ 37/63, tăng 3 bậc. Tuy nhiên có một số tiêu chí bị giảm mạnh về thứ hạng so với năm 2022 cần quan tâm cải thiện, cụ thể: Tỷ lệ doanh nghiệp quan sát thấy thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực xếp hạng 39/63, giảm 26 bậc; tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá “Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh” xếp hạng 39/63, giảm 31 bậc; tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá “Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố” xếp hạng 48/63, giảm 45 bậc.

+ Chỉ số 1.2.4. Cạnh tranh bình đẳng đứng thứ 41/63 (được lấy từ nguồn dữ liệu PCI 2022). Theo báo cáo PCI 2023, chỉ số Cạnh tranh bình đẳng xếp hạng thứ 47/63, giảm 6 bậc so với năm 2022. Trong đó, một số tiêu chí có thứ hạng giảm đáng kể so với năm 2022, cụ thể như: Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định “Tinh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với DNNVV trong nước” xếp hạng 42/63, giảm 28 bậc; Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh “Dễ dàng có được các hợp đồng từ CQNN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn” xếp hạng 42/63, giảm 20 bậc; Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định “Sự ưu đãi của tỉnh cho doanh nghiệp lớn (cả DNNN và DN tư nhân và DN FDI) gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tôi” xếp hạng 52/63, giảm 39 bậc; Tỷ lệ “doanh nghiệp đồng ý với nhận định Hợp đồng, đất đai, ... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với cán bộ chính quyền tỉnh” xếp hạng 52/63, giảm 38 bậc.

1.2. Giải pháp:

a) Đối với chỉ số: 1.1.1. Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách thúc đẩy phát triển và ứng dụng KH, CN & ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của địa phương:

- Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa (thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020);

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thực hiện Luật Chuyển giao công nghệ và các quy định pháp luật liên quan khác;

- Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách nhằm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp (thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025 theo Quyết định 844/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)

- Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách nhằm hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ (thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020, thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019).

- Hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách nhằm phát triển thị trường khoa học và công nghệ (thực hiện Chương trình phát triển thị trường KH&CN quốc gia đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021).

- Chuyển đổi số: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách, chuyển đổi số (thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020).

- Phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách về phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo Luật Công nghệ cao);

- Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách về phát triển công nghiệp hỗ trợ, cụm công nghiệp (thực hiện các Nghị định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; quản lý, phát triển cụm công nghiệp).

- Phát triển sản phẩm nông nghiệp, phát triển nông thôn: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách về phát triển sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh (Chương trình OCOP, tham gia sàn thương mại điện tử, phát triển kinh tế số).

- Phát triển dịch vụ logistics: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển dịch vụ logistics của Khánh

Hòa (thực hiện Quyết định 221/QĐ-TTg năm 2021 và Quyết định 200/QĐ-TTg năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025).

- Phát triển và thu hút nhân lực: Tham mưu ban hành và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách phát triển và thu hút nhân lực của địa phương.

- Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.

b) Giải pháp đối với Chỉ số 1.2.2. Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương cần quan tâm cải thiện các chỉ số:

- + Cải thiện tăng tỷ lệ “doanh nghiệp quan sát thấy thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực”.

- + Cải thiện giảm tỷ lệ “doanh nghiệp đánh giá các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh”.

- + Cải thiện giảm tỷ lệ “doanh nghiệp đánh giá "Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố”.

c) Giải pháp đối với Chỉ số 1.2.4. Cạnh tranh bình đẳng:

- Cải thiện giảm tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định “Tinh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với DNNVV trong nước”.

- Cải thiện giảm tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh “Dễ dàng có được các hợp đồng từ CQNN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn”.

- Cải thiện giảm tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định “Sự ưu đãi của tỉnh cho doanh nghiệp lớn (cả DNNN và DN tư nhân và DN FDI) gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tôi”.

- Cải thiện giảm tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với cán bộ chính quyền tỉnh.

2. Trụ cột 2: Nguồn nhân lực và nghiên cứu

2.1. Thực trạng:

- Trụ cột Nguồn nhân lực và nghiên cứu đạt 42.59 điểm, xếp hạng thứ 09/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đứng thứ 13/14 trong các địa phương Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung.

- Chỉ số 2.1.1. Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT xếp hạng 47/63 (dữ liệu năm 2022). Năm 2023 Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT đạt 6,30 điểm, xếp hạng 45/63, giảm 1 bậc so với năm 2022.

- Chỉ số 2.1.2. Tỷ lệ HSTH tham gia các cuộc thi nghiên cứu KH&KT (%) 43/63.

- Chỉ số 2.1.3. Chi cho GD&ĐT bình quân 1 người đi học (triệu đồng): 41/63

- Chi cho khoa học và công nghệ/GRDP (%): 42/63

2.2. Giải pháp:

Nâng cao chất lượng đầu ra của giáo dục và đào tạo (chỉ số 2.1.1. Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT (5 môn học). Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh nghiên cứu khoa học (chỉ số 2.1.2. Tỷ lệ HSTH tham gia các cuộc thi nghiên cứu KH&KT (%)); Tăng cường đầu tư cho GD&ĐT từ ngân sách địa phương và từ xã hội (chỉ số 2.1.3. Chi cho GD&ĐT bình quân 1 người đi học (triệu đồng))

3. Trụ cột 3: Cơ sở hạ tầng

3.1. Thực trạng

- Đạt 53.62 điểm (cao nhất 82.47 điểm; thấp nhất 12.59 điểm), xếp hạng thứ 13/14 trong các địa phương Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung.

3.2. Giải pháp

Tiếp tục đẩy mạnh hạ tầng số (chỉ số 3.1.1. Hạ tầng số); đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trong các khu công nghiệp, khu kinh tế (chỉ số 3.2.2. Tỷ lệ đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng (%))

4. Trụ cột 4: Trình độ phát triển của thị trường

4.1. Thực trạng

- Đạt 42.01 điểm (cao nhất 77.81 điểm; thấp nhất 14.30 điểm), xếp hạng thứ 12/14 trong các địa phương Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung.

4.2. Giải pháp

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các hoạt động KH, CN&ĐMST thông qua các chính sách dẫn dắt; Hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp, cá nhân: Ít nhất 20 nhãn hiệu được cấp văn bằng; 01 sáng chế và 10 kiểu dáng công nghiệp mỗi năm.

- Khuyến khích hình thành các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

5. Trụ cột 5: Trình độ phát triển của doanh nghiệp

5.1. Thực trạng:

- Đạt 16.29 điểm (cao nhất 56.85 điểm; thấp nhất 8.40 điểm), xếp hạng thứ 03/14 trong các địa phương Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung.

5.2. Giải pháp:

- Khuyến khích doanh nghiệp chi cho đào tạo lao động (chỉ số 5.1.1. Tỷ lệ chi đào tạo lao động trong tổng chi của doanh nghiệp);

- Thu hút các dự án đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn (chỉ số 5.2.2. Tỷ lệ dự án đầu tư đang hoạt động trong các khu công nghiệp);

- Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp áp dụng ISO (chỉ số 5.3.3. Số doanh nghiệp có chứng chỉ ISO/1000 doanh nghiệp)

6. Trụ cột 6: Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ

6.1. Thực trạng

- Đạt 20.16 điểm (cao nhất 63.16 điểm; thấp nhất 3.19 điểm), xếp hạng thứ 07/14 trong các địa phương Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung.

6.2. Giải pháp

- Khuyến khích, hỗ trợ đăng kí nhãn hiệu tập thể (chỉ số 6.2.2. Đơn đăng kí nhãn hiệu tập thể/10.000 dân): Triển khai chương trình phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh Khánh Hòa đạt mục tiêu đăng ký bảo hộ tối thiểu 2 nhãn hiệu tập thể/năm.

- Khuyến khích, phát triển doanh nghiệp KH&CN và tương đương (chỉ số 6.3.2. Số doanh nghiệp KH&CN và doanh nghiệp đủ điều kiện là doanh nghiệp KH&CN/1000 doanh nghiệp). Xây dựng các giải pháp, hoạt động cụ thể nhằm hướng đến mục tiêu phát triển mới tối thiểu 1 doanh nghiệp khoa học và công nghệ mỗi năm.

Khuyến khích, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo (chỉ số 6.3.3. 6.3.3. Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp mới thành lập (%)): Vận động hình thành được ít nhất 01 quỹ hỗ trợ khởi nghiệp ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa để hỗ trợ cho các dự án khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại địa phương. Tổ chức liên tục các khóa đào tạo về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Tổ chức ươm tạo và ươm tạo được ít nhất 02 dự án khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo mỗi năm.

7. Trụ cột 7: Tác động

7.1. Thực trạng:

Đạt 46.53 điểm (cao nhất 66.21 điểm; thấp nhất 20.54 điểm), xếp hạng thứ 10/14 trong các địa phương Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung.

7.2. Giải pháp:

- Khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản phẩm 1.1.2. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự 4 sao trở lên (chỉ số 7.1.2. Số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên/tổng số xã);

- Cải thiện, nâng cao tốc độ giảm nghèo của Khánh Hòa (chỉ số 7.2.1. Tốc độ giảm nghèo);

- Cải thiện thu nhập bình quân đầu người (chỉ số 7.2.3. Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/tháng).

V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Trên cơ sở thực trạng và giải pháp tại Phần IV của Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ cụ thể như sau: *(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn cho các cơ quan, đơn vị có liên quan về cung cấp dữ liệu bộ chỉ số PII tỉnh Khánh Hòa.

- Đầu môi triển khai thực hiện xây dựng bộ chỉ số PII tỉnh Khánh Hòa; chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, đơn vị có liên quan thực hiện thu thập, tổng hợp dữ liệu và tài liệu minh chứng của các chỉ số PII địa phương gửi về Bộ KH&CN; báo cáo UBND tỉnh về bộ chỉ số PII tỉnh Khánh Hòa hằng năm; kịp thời rà soát, sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ phù hợp với thực tiễn của các cơ quan, đơn vị.

- Tham mưu việc chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan thời gian, phương pháp thu thập báo cáo bộ chỉ số PII tỉnh Khánh Hòa.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự toán kinh phí triển khai xây dựng, tính toán bộ chỉ số PII tỉnh Khánh Hòa trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì đánh giá, xây dựng nhiệm vụ cụ thể để cải thiện các chỉ số thành phần sau:

+ 1.1.1. Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản thúc đẩy phát triển và ứng dụng KH&CN&ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của địa phương trong phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;

+ 2.2.1. Nhân lực nghiên cứu và phát triển/10.000 dân;

+ 2.2.2. Tỷ lệ chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương/GRDP;

+ 2.2.3. Chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ/GRDP (%);

+ 2.2.4. Số tổ chức KH&CN/10.000 dân;

+ 4.2.1. Số doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn, KH&CN/1000 doanh nghiệp đang hoạt động;

+ 5.1.3. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động R&D;

+ 5.2.1. Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp;

+ 5.3.2. Doanh nghiệp có hoạt động ĐMST/tổng doanh nghiệp;

+ 5.3.3. Doanh nghiệp có ISO/tổng số doanh nghiệp của địa phương;

+ 6.1.1. Đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích/10.000 dân;

+ 6.2. Tài sản vô hình;

+ 6.3.2. Số doanh nghiệp KH&CN và doanh nghiệp đủ điều kiện là doanh nghiệp KH&CN/1000 doanh nghiệp;

+ 6.3.3. Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp mới thành lập (%).

- Thực hiện các nhiệm vụ khác quy định tại các phụ lục kèm theo kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp báo cáo tổng kết việc thực hiện kế hoạch này.

2. Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh và Sở Tư pháp

Đề nghị Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Tòa án nhân dân tỉnh tham mưu xây dựng các chính sách thuộc phạm vi quản lý liên quan đến thể chế để cải thiện chỉ số thành phần 1.1.2. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp các các sở, ngành đơn vị liên quan để tham mưu và triển khai các giải pháp để cải thiện các chỉ số thành phần sau:

- 1.1.3. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp;
- 1.2.1. Chi phí gia nhập thị trường;
- 4.2.2. Mật độ doanh nghiệp /1000 dân;
- 5.2.2. Tỷ lệ các dự án đầu tư đang sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp/1000 doanh nghiệp;
- 5.3.1. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài/GRDP;
- 6.3.1. Số doanh nghiệp mới thành lập/10.000 dân.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp các các sở, ngành đơn vị liên quan để tham mưu và triển khai các giải pháp để cải thiện, nâng cao chỉ số thành phần 1.2.3. Cải cách hành chính.

5. Sở Công thương

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành đơn vị liên quan để tham mưu và triển khai các giải pháp để cải thiện các chỉ số thành phần sau:

- 1.2.4. Cạnh tranh bình đẳng;
- 5.2.3. Tỷ lệ các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp/1000 doanh nghiệp;
- 7.1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp;

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, tham mưu và triển khai các giải pháp để cải thiện các chỉ số thành phần sau:

- 2.1.1. Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT;
- 2.1.2. Tỷ lệ học sinh trung học tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật trên tổng số học sinh trung học;
- 2.1.3. Chi cho GD&ĐT bình quân 1 người đi học (triệu đồng).

7. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, tham mưu và triển khai các giải pháp để nâng cao các chỉ số thành phần sau:

- 3.1.1. Hạ tầng số;
- 3.1.2. Quản trị điện tử.

8. Sở Giao thông Vận tải và Sở Xây dựng

Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp sở, ngành liên quan tham mưu và triển khai các giải pháp để cải thiện các chỉ số thành phần 3.2.1. Cơ sở hạ tầng.

9. Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong

Chủ trì, tham mưu và triển khai các giải pháp thuộc phạm vi quản lý để cải thiện các chỉ số thành phần:

- 3.2.2. Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp;

- 5.2.2. Tỷ lệ các dự án đầu tư đang sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp/1000 doanh nghiệp;

10. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Chủ trì, tham mưu và triển khai các giải pháp thuộc phạm vi quản lý để cải thiện các chỉ số thành phần: 7.1.2. Số lượng sản phẩm OCOP/tổng số đơn vị hành chính cấp xã.

11. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

Chủ trì, tham mưu và triển khai các giải pháp thuộc phạm vi quản lý để cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần:

- 5.1.1. Chi phí đào tạo lao động, % tổng chi của doanh nghiệp;

- 5.1.2. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo;

- 7.2.1. Tốc độ giảm nghèo;

- 7.2.2. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số địa phương.

12. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, tham mưu và triển khai các giải pháp thuộc phạm vi quản lý để cải thiện chỉ số thành phần: 3.2.3. Quản trị môi trường.

13. Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh Khánh Hòa

Chủ trì, tham mưu và triển khai các giải pháp thuộc phạm vi quản lý để cải thiện các chỉ số thành phần:

- 4.1.1. Tín dụng cho khu vực tư nhân/GRDP;

- 4.1.2. Vay tài chính vi mô/GRDP.

Phối hợp cung cấp số liệu đối với các chỉ số thành phần:

- 4.1.3. Vốn sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm của các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh;

- 4.1.4. Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh.

14. Sở Tài chính

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp thông tin, thực hiện giải pháp cải thiện chỉ số 2.1.3. Chi cho GD&ĐT bình quân 1

người đi học (cải thiện phân chi từ NSDP) và chỉ số 2.2.2. Chi cho KH&CN từ NSDP/GRDP;

- Trên cơ sở dự toán của Sở Khoa học và Công nghệ lập cùng thời điểm xây dựng dự toán hàng năm, Sở Tài chính tổng hợp, cân đối theo khả năng ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện theo đúng quy định;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác quy định tại Phụ lục kèm theo kế hoạch này.

15. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Chủ trì, tham mưu và triển khai các giải pháp để cải thiện các chỉ số thành phần: 1.2.2. Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương.

- Rà soát các chỉ số thành phần của Chỉ số PII thuộc lĩnh vực ngành, đơn vị, địa phương quản lý; chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai có hiệu quả ở cấp địa phương, đơn vị đạt mục tiêu đề ra, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

16. Cục thống kê tỉnh Khánh Hòa

Cục Thống kê phối hợp theo dõi, cung cấp số liệu chỉ số thành phần:

- 7.1.3. Giá trị xuất khẩu/GRDP;

- 7.2.3. Thu nhập bình quân đầu người.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Sở Khoa học và Công nghệ để thực hiện Kế hoạch.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện

- Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai các nhiệm vụ cụ thể để nâng cao chỉ số PII thành phần của tỉnh tại Kế hoạch này, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, theo dõi, góp ý trước ngày **25/8/2024**;

- Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh đối với các chỉ số thành phần được phân công theo dõi;

- Hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch năm 2025 và báo cáo UBND tỉnh trước ngày 30/01/2025, thông qua Sở Khoa học và Công nghệ.

- Căn cứ theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về các chỉ số cần địa phương cung cấp và chức năng nhiệm vụ được giao, thực hiện rà soát, tổng hợp dữ liệu và các tài liệu minh chứng gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 10/7 để tổng hợp, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch thực hiện theo năm của đơn vị, góp ý (nếu có) để các đơn vị, địa phương hoàn thiện kế hoạch đảm bảo đạt được mục tiêu chung của tỉnh; báo cáo UBND tỉnh trước ngày **05/9/2024**.

- Chủ trì, tổng hợp báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, đồng thời báo cáo UBND tỉnh theo thời gian quy định; kịp thời báo cáo, tham mưu, đề xuất những nội dung thuộc thẩm quyền UBND tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các sở, ban ngành, đơn vị, địa phương kịp thời gửi văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để phối hợp triển khai, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết, xử lý./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ban Quản lý khu kinh tế Vân Phong;
- Cục Thống kê Khánh Hòa;
- Cục Hải quan tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa;
- Cục Quản lý thị trường tỉnh Khánh Hòa;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Khánh Hòa;
- Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Khánh Hòa;
- Lưu: VT, CNG, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hữu Hoàng

PHỤ LỤC

Phân công nhiệm vụ phụ trách từng chỉ số PII thành phần

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 9010../KH-UBND ngày 11/.../2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Chỉ số thành phần	Mã chỉ số	Điểm số PII năm 2023			Hiện trạng/Yêu cầu	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp
		Khánh Hòa	Cả nước				
			Cao nhất	Thấp nhất			
Trụ cột 1. Thể chế		46.54	77.16	27.85	- Xếp hạng: + Cả nước: 38/63. + Vùng BTB&DHMT: 11/14. - Cần cải thiện mạnh		
1.1. Môi trường chính sách		40.40	79.57	20.69	- Xếp hạng: + Cả nước: 46/63. + Vùng BTB&DHMT: 11/14. - Cần cải thiện mạnh		
<i>1.1.1. Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản thúc đẩy phát triển và ứng dụng KHCN&ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của địa phương (*)</i>	1	18.25	47.00	15.16	- Xếp hạng: + Cả nước: 60/63. + Vùng BTB&DHMT: 14/14. - Cần cải thiện mạnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
<i>1.1.2. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự</i>	2	7.63	8.60	6.50	- Xếp hạng: + Cả nước: 27/63. + Vùng BTB&DHMT: 10/14. - Cần cải thiện	Công an tỉnh (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	Toà án nhân dân tỉnh; Sở Tư pháp
<i>1.1.3. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp</i>	3	6.01	7.04	4.59	- Xếp hạng: + Cả nước: 17/63. + Vùng BTB&DHMT: 5/14.	Sở Kế hoạch và Đầu tư (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	

Chỉ số thành phần	Mã chỉ số	Điểm số PII năm 2023			Hiện trạng/Yêu cầu	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp
		Khánh Hòa	Cả nước				
			Cao nhất	Thấp nhất			
					- Cần duy trì và nâng cao		
1.2. Môi trường kinh doanh		52.69	79.6	28.64	- Xếp hạng: + Cả nước: 25/63. + Vùng BTB&DHMT: 7/14. - Cần cải thiện		
1.2.1. Chi phí gia nhập thị trường	4	7.21	7.93	6.32	- Xếp hạng: + Cả nước: 15/63. + Vùng BTB&DHMT: 05/14. - Cần duy trì và nâng cao	Sở Kế hoạch và Đầu tư (cụ thể hóa bằng kế hoạch) Chi cục thuế	
1.2.2. Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	5	6.59	7.66	6.07	- Xếp hạng: + Cả nước: 40/63. + Vùng BTB&DHMT: 08/14. - Cần cải thiện	UBND cấp tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
1.2.3. Cải cách hành chính	6	86.19	90.10	75.99	- Xếp hạng: + Cả nước: 25/63. + Vùng BTB&DHMT: 05/14. - Cần cải thiện	Sở Nội vụ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
1.2.4. Cạnh tranh bình đẳng	7	5.77	7.36	4.19	- Xếp hạng: + Cả nước: 41/63. + Vùng BTB&DHMT: 10/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Thanh tra tỉnh, Quản lý thị trường (cụ thể hóa bằng kế hoạch). Các sở, ban, ngành khác, UBND cấp huyện	
Trụ cột 2. Nguồn nhân lực và nghiên cứu		42.59	63.06	13.72	- Xếp hạng: + Cả nước: 9/63		

Chỉ số thành phần	Mã chỉ số	Điểm số PII năm 2023			Hiện trạng/Yêu cầu	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp
		Khánh Hòa	Cả nước				
			Cao nhất	Thấp nhất			
					+ Vùng BTB&DHMT: 03/14. - Cần cải thiện		
2.1. Giáo dục		27.38	79.03	13.93	- Xếp hạng: + Cả nước: 53/63. + Vùng BTB&DHMT: 14/14. - Cần cải thiện mạnh		
<i>2.1.1. Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT</i>	8	6.34	7.20	5.72	- Xếp hạng: + Cả nước: 47/63. + Vùng BTB&DHMT: 12/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Giáo dục và Đào tạo (<i>cụ thể hóa bằng kế hoạch</i>)	
<i>2.1.2. Tỷ lệ HSTH tham gia các cuộc thi nghiên cứu KH&KT (%)</i>	9	0.30	2.26	0.06	- Xếp hạng: + Cả nước: 43/63. + Vùng BTB&DHMT: 09/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Giáo dục và Đào tạo (<i>cụ thể hóa bằng kế hoạch</i>)	
<i>2.1.3. Chi cho GD&ĐT bình quân 1 người đi học (triệu đồng)</i>	10	17.20	27.85	12.73	- Xếp hạng: + Cả nước: 41/63. + Vùng BTB&DHMT: 09/14. - Cần cải thiện mạnh	- Chi giáo dục, đào tạo: Sở Giáo dục và Đào tạo. - Chi cho dạy nghề: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội. (<i>cụ thể hóa bằng kế hoạch</i>)	Sở Tài chính
2.2. Nghiên cứu và phát triển		57.80	77.24	4.56	- Xếp hạng: + Cả nước: 05/63. + Vùng BTB&DHMT: 03/14.		

Chỉ số thành phần	Mã chỉ số	Điểm số PII năm 2023			Hiện trạng/Yêu cầu	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp
		Khánh Hòa	Cả nước				
			Cao nhất	Thấp nhất			
					- Cần cải thiện		
2.2.1. Nhân lực nghiên cứu và phát triển/10.000 dân	11	15.63	64.47	1.22	- Xếp hạng: + Cả nước: 11/63. + Vùng BTB&DHMT: 03/14. - Cần cải thiện	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
2.2.2. Tỷ lệ chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương/GRDP	12	0.03	0.40	0.00	- Xếp hạng: + Cả nước: 42/63. + Vùng BTB&DHMT: 13/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch) Sở Tài chính	
2.2.3. Chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ/GRDP (%) (**)	13	0.30	0.46	0.00	- Xếp hạng: + Cả nước: 02/63. + Vùng BTB&DHMT: 02/14. - Cần duy trì và nâng cao	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch) Cục thống kê phối hợp cung cấp thông tin	
2.2.4. Số tổ chức KH&CN/10.000 dân (**)	14	0.47	3.06	0.22	- Xếp hạng: + Cả nước: 04/63. + Vùng BTB&DHMT: 02/14. - Cần duy trì và nâng cao	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
Trụ cột 3. Cơ sở hạ tầng		53.62	82.47	12.59	- Xếp hạng: + Cả nước: 23/63. + Vùng BTB&DHMT: 03/14. - Cần cải thiện		
3.1. Hạ tầng ICT		71.90	99.44	11.68	- Xếp hạng: + Cả nước: 11/63.		

Chỉ số thành phần	Mã chỉ số	Điểm số PII năm 2023			Hiện trạng/Yêu cầu	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp
		Khánh Hòa	Cả nước				
			Cao nhất	Thấp nhất			
					+ Vùng BTB&DHMT: 02/14. - Cần duy trì và nâng cao		
3.1.1. Hạ tầng số	15	0.62	0.83	0.32	- Xếp hạng: + Cả nước: 35/63. + Vùng BTB&DHMT: 07/14. - Cần cải thiện	Sở Thông tin và Truyền thông (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
3.1.2. Quản trị điện tử (**)	16	3.48	3.71	2.17	- Xếp hạng: + Cả nước: 06/63. + Vùng BTB&DHMT: 03/14. - Cần duy trì và nâng cao	Sở Thông tin và Truyền thông (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
3.2. Cơ sở hạ tầng chung		35.33	74.51	13.50	- Xếp hạng: + Cả nước: 43/63. + Vùng BTB&DHMT: 07/14. - Cần cải thiện		
3.2.1. Cơ sở hạ tầng cơ bản	17	50.52	69.45	36.64	- Xếp hạng: + Cả nước: 24/63 + Vùng BTB&DHMT: 05/14. - Cần cải thiện	Sở Giao thông Vận tải (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	Sở Xây dựng; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công thương (EVN)
3.2.2. Tỷ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng	18	39.11	100.00	0.16	- Xếp hạng: + Cả nước: 46/63. + Vùng BTB&DHMT: 07/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	BQL khu kinh tế Vân Phong

Chỉ số thành phần	Mã chỉ số	Điểm số PII năm 2023			Hiện trạng/Yêu cầu	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp
		Khánh Hòa	Cả nước				
			Cao nhất	Thấp nhất			
<i>diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp</i>							
3.2.3. Quản trị môi trường	19	3.43	4.63	2.82	- Xếp hạng: + Cả nước: 29/63. + Vùng BTB&DHMT: 09/14. - Cần cải thiện	Sở Tài nguyên và Môi trường (Chỉ số Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường) và Sở Xây dựng (Chỉ số Chất lượng không khí và Chỉ số Chất lượng nước) (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
Trụ cột 4. Trình độ phát triển của thị trường		42.01	77.81	14.30	- Xếp hạng: + Cả nước: 17/63. + Vùng BTB&DHMT: 04/14. - Cần cải thiện		
4.1. Tài chính và đầu tư		43.94	76.99	4.96	- Xếp hạng: + Cả nước: 23/63. + Vùng BTB&DHMT: 05/14. - Cần cải thiện		
4.1.1. Tín dụng cho khu vực tư nhân/GRDP	20	167.53	691.36	55.55	- Xếp hạng: + Cả nước: 12/63. + Vùng BTB&DHMT: 03/14. - Cần cải thiện	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Khánh Hòa (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	Ngân hàng thương mại
4.1.2. Vay tài chính vi mô/GRDP (%)	21	0.02	0.09	0.00	- Xếp hạng: + Cả nước: 21/63. + Vùng BTB&DHMT: 02/14.	Ngân hàng nhà nước (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Khánh

Chỉ số thành phần	Mã chỉ số	Điểm số PII năm 2023			Hiện trạng/Yêu cầu	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp
		Khánh Hòa	Cả nước				
			Cao nhất	Thấp nhất			
					- Cần cải thiện	Hòa; Ngân hàng thương mại	
4.1.3. Vốn sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm của các doanh nghiệp đang hoạt động	22	33.70	114.59	17.23	- Xếp hạng: + Cả nước: 36/63. + Vùng BTB&DHMT: 08/14. - Cần cải thiện mạnh	Khối doanh nghiệp (cụ thể hóa bằng kế hoạch) Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Khánh Hòa, Ngân hàng thương mại phối hợp cung cấp số liệu	
4.1.4. Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp đang hoạt động	23	19.54	55.11	5.14	- Xếp hạng: + Cả nước: 23/63. + Vùng BTB&DHMT: 07/14. - Cần cải thiện	Khối doanh nghiệp (cụ thể hóa bằng kế hoạch) Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Khánh Hòa, Ngân hàng thương mại phối hợp cung cấp số liệu	
4.2. Quy mô thị trường		40.08	88.87	13.05	- Xếp hạng: + Cả nước: 13/63. + Vùng BTB&DHMT: 04/14. - Cần cải thiện mạnh		
4.2.1. Số doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn KH&CN/1000 doanh nghiệp	24	65.15	115.24	24.08	- Xếp hạng: + Cả nước: 31/63. + Vùng BTB&DHMT: 12/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
4.2.2. Mật độ doanh nghiệp/1000 dân	25	8.90	29.20	1.40	- Xếp hạng: + Cả nước: 08/63.	Sở Kế hoạch và Đầu tư (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	

Chỉ số thành phần	Mã chỉ số	Điểm số PII năm 2023			Hiện trạng/Yêu cầu	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp
		Khánh Hòa	Cả nước				
			Cao nhất	Thấp nhất			
					+ Vùng BTB&DHMT: 02/14. - Cần cải thiện		
4.2.3. Đóng góp trong GDP cả nước (%)	26	1.04	15.98	0.13	- Xếp hạng: + Cả nước: 29/63. + Vùng BTB&DHMT: 07/14. - Cần cải thiện	Các sở, ngành, UBND cấp huyện (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	Cục Thống kê cung cấp số liệu (GRDP)
Trụ cột 5. Trình độ phát triển của doanh nghiệp		16.29	56.85	8.40	- Xếp hạng: + Cả nước: 42/63. + Vùng BTB&DHMT: 13/14. - Cần cải thiện mạnh		
5.1. Lao động có tri thức		22.53	81.69	1054	- Xếp hạng: + Cả nước: 41/63. + Vùng BTB&DHMT: 14/14. - Cần cải thiện mạnh		
5.1.1. Tỷ lệ chi đào tạo lao động trong tổng chi của doanh nghiệp (*)	27	4.54	12.90	2.37	- Xếp hạng: + Cả nước: 57/63. + Vùng BTB&DHMT: 14/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Lao động Thương binh và Xã hội (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
5.1.2. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo	28	25.30	50.30	11.93	- Xếp hạng: + Cả nước: 25/63. + Vùng BTB&DHMT: 08/14. - Cần cải thiện	Sở Lao động Thương binh và Xã hội (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	

Chỉ số thành phần	Mã chỉ số	Điểm số PII năm 2023			Hiện trạng/Yêu cầu	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp
		Khánh Hòa	Cả nước				
			Cao nhất	Thấp nhất			
5.1.3. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động NC&PT	29	0.05	29.30	0.00	- Xếp hạng: + Cả nước: 30/63. + Vùng BTB&DHMT: 08/14. - Cần cải thiện	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
5.2. Liên kết sáng tạo		14.40	71.28	0.00	- Xếp hạng: + Cả nước: 30/63. + Vùng BTB&DHMT: 09//14. - Cần cải thiện		
5.2.1. Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	30	12.52	77.45	0.00	- Xếp hạng: + Cả nước: 20/63. + Vùng BTB&DHMT: 05/14. - Cần cải thiện	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
5.2.2. Tỷ lệ các dự án đầu tư đang sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp/ tổng số doanh nghiệp đang hoạt động của địa phương	31	14.20	135.82	0.00	- Xếp hạng: + Cả nước: 43/63. + Vùng BTB&DHMT: 10/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	BQL Khu Kinh tế Vân Phong
5.2.3. Tỷ lệ các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn địa phương	32	7.14	111.39	0.00	- Xếp hạng: + Cả nước: 33/63. + Vùng BTB&DHMT: 12/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Công thương (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	BQL Khu Kinh tế Vân Phong
5.3. Hấp thu tri thức		11.94	76.37	3.55	- Xếp hạng: + Cả nước: 49/63.		

Chỉ số thành phần	Mã chỉ số	Điểm số PII năm 2023			Hiện trạng/Yêu cầu	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp
		Khánh Hòa	Cả nước				
			Cao nhất	Thấp nhất			
					+ Vùng BTB&DHMT: 12/14. - Cần cải thiện mạnh		
5.3.1. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài/GRDP	33	0.00	0.27	-0.02	- Xếp hạng: + Cả nước: 39/63. + Vùng BTB&DHMT: 11/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
5.3.2. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST	34	0.80	25.60	0.10	- Xếp hạng: + Cả nước: 28/63. + Vùng BTB&DHMT: 08/14. - Cần cải thiện	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
5.3.3. Doanh nghiệp có chứng chỉ ISO/tổng số doanh nghiệp của địa phương (*)	35	6.43	35.41	4.16	- Xếp hạng: + Cả nước: 57/63. + Vùng BTB&DHMT: 13/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
Trụ cột 6. Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ		20.16	63.16	3.19	- Xếp hạng: + Cả nước: 40/63. + Vùng BTB&DHMT: 09/14. - Cần cải thiện mạnh		
6.1. Sáng tạo tri thức		21.55	100.00	0.00	- Xếp hạng: + Cả nước: 30/63. + Vùng BTB&DHMT: 07/14. - Cần cải thiện mạnh		

Chỉ số thành phần	Mã chỉ số	Điểm số PII năm 2023			Hiện trạng/Yêu cầu	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp
		Khánh Hòa	Cả nước				
			Cao nhất	Thấp nhất			
6.1.1. Đơn đăng kí bảo hộ sáng chế và giải pháp hữu ích/10.000 dân	36	0.18	2.33	2.00	- Xếp hạng: + Cả nước: 11/63. + Vùng BTB&DHMT: 03/14. - Cần cải thiện	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
6.1.2. Đơn đăng kí giống cây trồng/10.000 dân	37	0.00	0.60	0.00	- Xếp hạng: + Cả nước: 50/63. + Vùng BTB&DHMT: 11/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
6.2. Tài sản vô hình		12.97	62.88	5.66	- Xếp hạng: + Cả nước: 54/63. + Vùng BTB&DHMT: 11/14. - Cần cải thiện mạnh		
6.2.1. Đơn đăng kí nhãn hiệu/1.000 doanh nghiệp	38	91.46	278.70	39.20	- Xếp hạng: + Cả nước: 41/63. + Vùng BTB&DHMT: 07/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
6.2.2. Đơn đăng kí nhãn hiệu tập thể/10.000 dân (*)	39	0.10	1.27	0.05	- Xếp hạng: + Cả nước: 54/63. + Vùng BTB&DHMT: 13/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
6.2.3. Đơn đăng kí kiểu dáng công nghiệp/10.000 dân	40	0.19	1.97	0.00	- Xếp hạng: + Cả nước: 24/63. + Vùng BTB&DHMT:	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	

Chỉ số thành phần	Mã chỉ số	Điểm số PII năm 2023			Hiện trạng/Yêu cầu	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp
		Khánh Hòa	Cả nước				
			Cao nhất	Thấp nhất			
					- Cần cải thiện mạnh		
6.2.4. Số lượng chỉ dẫn địa lý đã được cấp giấy chứng nhận bảo hộ	41	0.01	0.05	0.00	- Xếp hạng: + Cả nước: 40/63. + Vùng BTB&DHMT: 10/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
6.3. Lan tỏa tri thức		25.97	60.10	0.00	- Xếp hạng: + Cả nước: 27/63. + Vùng BTB&DHMT: 05/14. - Cần cải thiện		
6.3.1. Số doanh nghiệp mới thành lập/10.000 dân (**)	42	15.81	48.38	1.78	- Xếp hạng: + Cả nước: 07/63. + Vùng BTB&DHMT: 02/14. - Cần cải thiện	Sở Kế hoạch và Đầu tư (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
6.3.2. Số doanh nghiệp KH&CN và doanh nghiệp đủ điều kiện là doanh nghiệp KH&CN/1000 doanh nghiệp	43	0.98	7.36	0.00	- Xếp hạng: + Cả nước: 43/63. + Vùng BTB&DHMT: 09/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
6.3.3. Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương	44	0.00	16.43	0.00	- Xếp hạng: + Cả nước: 45/63. + Vùng BTB&DHMT: 13/14 - Cần cải thiện mạnh	Sở Khoa học và Công nghệ (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
Trụ cột 7. Tác động		46.53	66.21	20.54	- Xếp hạng:		

Chỉ số thành phần	Mã chỉ số	Điểm số PII năm 2023			Hiện trạng/Yêu cầu	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp
		Khánh Hòa	Cả nước				
			Cao nhất	Thấp nhất			
					+ Cả nước: 36/63. + Vùng BTB&DHMT: 06/14. - Cần cải thiện mạnh		
7.1. Tác động đến sản xuất – kinh doanh		45.14	76.23	17.54	- Xếp hạng: + Cả nước: 30/63. + Vùng BTB&DHMT: 04/14. - Cần cải thiện		
7.1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (**)	45	122.00	132.90	75.90	- Xếp hạng: + Cả nước: 06/63. + Vùng BTB&DHMT: 01/14. - Cần duy trì và nâng cao	Sở Công thương (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
7.1.2. Số lượng sản phẩm OCOP/tổng số đơn vị hành chính cấp xã:	46	0.10	2.03	0.00	- Xếp hạng: + Cả nước: 54/63. + Vùng BTB&DHMT: 11/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	UBND cấp huyện
7.1.3. Giá trị xuất khẩu/GRDP	47	0.47	5.15	0.01	- Xếp hạng: + Cả nước: 29/63. + Vùng BTB&DHMT: 06/14. - Cần cải thiện	Cục Thống kê cung cấp số liệu (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	Cục hải quan
7.1.4. Tốc độ tăng năng suất lao động	48	0.12	0.21	-0.16	- Xếp hạng: + Cả nước: 22/63. + Vùng BTB&DHMT: 03/14. - Cần cải thiện	Sở Lao động Thương binh và Xã hội (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	

Chỉ số thành phần	Mã chỉ số	Điểm số PII năm 2023			Hiện trạng/Yêu cầu	Cơ quan phụ trách chính	Cơ quan phối hợp
		Khánh Hòa	Cả nước				
			Cao nhất	Thấp nhất			
7.2. Tác động đến kinh tế - xã hội		47.91	83.73	3.48	- Xếp hạng: + Cả nước: 41/63 + Vùng BTB&DHMT: 09/14. - Cần cải thiện mạnh		
7.2.1. Tốc độ giảm nghèo (*)	49	-3.60	7.00	- 12.90	- Xếp hạng: + Cả nước: 59/63. + Vùng BTB&DHMT: 13/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Lao động Thương binh và Xã hội (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
7.2.2. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số địa phương	50	0.52	63.71	37.13	- Xếp hạng: + Cả nước: 28/63. + Vùng BTB&DHMT: 08/14. - Cần cải thiện mạnh	Sở Lao động Thương binh và Xã hội (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	
7.2.3. Thu nhập bình quân đầu người	51	3.73	8.08	2.06	- Xếp hạng: + Cả nước: 37/63. + Vùng BTB&DHMT: 07/14. - Cần cải thiện	Các sở, ngành, UBND cấp huyện (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	Cục Thống kê phối hợp cung cấp số liệu
7.2.4. Phát triển con người	52	0.74	0.82	0.60	- Xếp hạng: + Cả nước: 19/63. + Vùng BTB&DHMT: 02/14. - Cần cải thiện	Sở Lao động Thương binh và Xã hội (cụ thể hóa bằng kế hoạch)	Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo. Cục Thống kê phối hợp cung cấp số liệu

Ghi chú:

(*) Chỉ số điểm yếu năm 2023.

(**) Chỉ số Điểm mạnh năm 2023.

- Xếp hạng:

+ Cả nước: Xếp hạng tỉnh Khánh Hòa/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Vùng BTB&DHMT: Vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung, gồm 14 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận.

